

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/KDTM-ST

Ngày: 23-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

– **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2019/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ trụ sở chính: Số 89 M, phường H, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thế A** – Chức vụ: Chuyên viên

Xử lý nợ

(Văn bản ủy quyền số 22184/2019/PTGD-KHDNMN ngày 03/7/2019)

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N

Địa chỉ trụ sở chính: Số 34A5 Đường X, ấp B (nay là X/Y, ấp C), xã M, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông **Phan Ngọc L**, sinh năm: 1965 – Chức danh: Giám đốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã K, huyện U, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện tại: Số B6/3G ấp G, xã Q, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Ngọc L, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Số B6/3G ấp G, xã Q, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2018 và trong quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh V1 (sau đây gọi tắt là ngân hàng V) và công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N (sau đây gọi tắt là công ty N) có ký các Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0123/HDTD-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0169/HDTD-01 ngày 08/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0166/HDTD ngày 09/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0187/HDTD ngày 27/6/2016 và Hợp đồng tín dụng SME/EGV/16/0222/HDTD ngày 16/8/2016. Thực hiện các hợp đồng nêu trên ngân hàng V đã giải ngân các khoản vay cho công ty N theo các khế ước nhận nợ như sau:

– Khế ước nhận nợ (Lần: 01/Số: SME/EGV/16/0123/HDTD-01-01) ngày 29/4/2016 với số tiền vay là 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng); thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất ưu đãi cố định 7,5%/năm trong 12 tháng đầu, lãi suất thông thường bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 5%/năm và sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần sau 12 tháng từ ngày giải ngân vốn; mục đích vay là thanh toán một phần tiền mua 03 xe tải VEAM VT 260TK. Ngày giải ngân là 29/4/2016.

– Khế ước nhận nợ (Lần: 01/Số: SME/EGV/16/0169/HDTD-01-01) ngày 08/6/2016 với số tiền vay là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng); thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 16,7%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần; mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh trả góp định kỳ, mở rộng phát triển kinh doanh, mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng và sửa chữa nhà xưởng, văn phòng. Ngày giải ngân là 08/6/2016.

– Khế ước nhận nợ (Lần: 01/Số: SME/EGV/16/0166/HDTD-01) ngày 09/6/2016 với số tiền vay là 318.500.000 đồng (Ba trăm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng); thời hạn vay là 48 tháng; lãi suất ưu đãi cố định 7,5%/năm trong 12 tháng đầu, lãi suất thông thường bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng 5%/năm và sẽ điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần sau 12 tháng từ ngày giải ngân vốn; mục đích vay là thanh toán một phần tiền mua 03 xe tải VEAM VT 260TK. Ngày giải ngân là 09/6/2016.

– Khế ước nhận nợ (Lần: 01/Số: SME/EGV/16/0187/HDTD-01) ngày 27/6/2016 với số tiền vay là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22%/năm, điều chỉnh 01

tháng/lần; mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa. Ngày giải ngân là 27/6/2016.

– Khế ước nhận nợ (Lần: 01/Số: SME/EGV/16/0222/HDTD-01) ngày 16/8/2016 với số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 22,3%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần; mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa. Ngày giải ngân là 16/8/2016.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên công ty N đã thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty, cụ thể gồm:

– 01 (Một) chiếc xe tải, nhãn hiệu: Veam; số loại VT260TK; biển số: 51C-834.72; tên chủ xe: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 152528 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/4/2016 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0123/HBTC-01 ngày 29/4/2016 mà các bên đã ký và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh;

– 01 (Một) chiếc xe tải, nhãn hiệu: Veam; số loại VT260; biển số: 51C-755.87; tên chủ xe: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 154247 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2016 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0123/HBTC-01 ngày 29/4/2016 mà các bên đã ký và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh;

– 01 (Một) chiếc xe tải; nhãn hiệu: Veam; số loại VT200; biển số: 51C-773.25; tên chủ xe: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168921 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2016 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0166/HBTC ngày 09/6/2016 mà các bên đã ký và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, ngân hàng V đang giữ bản chính các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên.

Đồng thời khoản vay nêu trên của Công ty N còn được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản của ông Phan Ngọc L, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh đối với ngân hàng V theo các Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0123/HDBLDS ngày 29/4/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0169/HDBLDS ngày 08/6/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0166/HDBLDS ngày 09/6/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0187/HDTD ngày 27/6/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0222/HDTD ngày 16/8/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty N đã thanh toán cho ngân hàng V số tiền gốc là 622.500.000 đồng (Sáu trăm hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) và số tiền lãi là 270.552.141 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu năm trăm năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi một đồng). Sau đó, công ty N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thỏa thuận trong hợp đồng; mặc dù, ngân hàng V nhiều lần liên hệ và làm việc với công ty N để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng V, nhưng công ty N vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 25/4/2019, công ty N còn nợ số tiền gồm:

+ Số tiền gốc: 1.081.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu đồng).

+ Tiền lãi: 354.317.632 đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu ba trăm mười bảy nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng).

Tổng cộng: 1.434.081.250 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi bốn triệu không trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Vào các ngày 26/6/2019 và ngày 08/7/2019, ngân hàng V và công ty N có ký biên bản làm việc về việc phía bị đơn bàn giao cho nguyên đơn 03 tài sản đảm bảo nêu trên để bán đấu giá. Ngân hàng V đã thu hồi được số tiền là 613.155.600 đồng (Sáu trăm mười ba triệu một trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm đồng); số tiền này trừ vào số tiền nợ gốc của công ty N để giải chấp toàn bộ tài sản đảm bảo nêu trên. Do đó, ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý đối với các tài sản đảm bảo thế chấp tại ngân hàng theo các hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký.

Tại phiên tòa, ngân hàng V yêu cầu công ty N thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/07/2019 gồm:

+ Số tiền gốc: 467.844.400 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng).

+ Tiền lãi: 404.882.827 đồng (Bốn trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng).

Tổng cộng: 872.727.227 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty N còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0123/HDTD-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0169/HDTD-01 ngày 08/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0166/HDTD ngày 09/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0187/HDTD ngày 27/6/2016; Hợp đồng tín dụng SME/EGV/16/0222/HDTD ngày 16/8/2016 mà các bên đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên cho ngân hàng V.

Trường hợp công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Phan Ngọc L có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với công ty N thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký.

Đối với người đại diện theo pháp luật của công ty N ông Phan Ngọc L là bị đơn; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ người đại diện theo pháp luật của công ty N ông Phan Ngọc L là bị đơn; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên, còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì xét thấy nguyên đơn ngân hàng Thương mại cổ phần V và bị đơn công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N có ký các hợp đồng tín dụng; do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng ký giữa các bên; bị đơn có địa chỉ trụ sở chính của công ty tại huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, người đại diện theo pháp luật của công ty N ông Phan Ngọc L là bị đơn; đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Căn cứ vào các Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0123/HDTD-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0169/HDTD-01 ngày 08/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0166/HDTD ngày 09/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0187/HDTD ngày 27/6/2016; Hợp đồng tín dụng SME/EGV/16/0222/HDTD ngày 16/8/2016 thì công ty N có thực hiện việc vay vốn tại ngân hàng V với mục đích thanh toán tiền mua xe và bổ sung vốn kinh doanh hoạt động của công ty với số tiền vay tổng cộng là 1.795.500.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào các Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0123/HDTC-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0123/HDTC-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0166/HDTC ngày 09/6/2016 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty N đã thế chấp cho ngân hàng V, cụ thể gồm:

- 01 (Một) chiếc xe tải, nhãn hiệu: Veam; số loại VT260TK; biển số: 51C-834.72; tên chủ xe: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 152528 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/4/2016

- 01 (Một) chiếc xe tải, nhãn hiệu: Veam; số loại VT260; biển số: 51C-755.87; tên chủ xe: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 154247 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2016;

- 01 (Một) chiếc xe tải; nhãn hiệu: Veam; số loại VT200; biển số: 51C-773.25; tên chủ xe: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 168921 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/4/2016.

Do đó, các bên đã thực hiện giao dịch dân sự phù hợp và đúng theo quy định tại các Điều 317, 463 của Bộ luật Dân sự và Điều 7a, 12 của Văn bản hợp nhất Nghị định về giao dịch bảo đảm số 8019/VBHN-BTP ngày 10/12/2013 của Bộ Tư pháp.

[3.2] Bị đơn công ty N khi thực hiện hợp đồng đã thanh toán được một phần gốc và lãi thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Tính đến ngày 23/7/2019, công ty N còn nợ ngân hàng V số tiền gồm nợ gốc là 467.844.400 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi 404.882.827 đồng (Bốn trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng); tổng cộng là 872.727.227 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng). Ngân hàng V yêu cầu công ty N thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên

và tiền lãi phát sinh tính từ 24/7/2019 cho đến khi công ty N thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp và đúng theo quy định tại các Điều 91, 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào các Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0123/HDBLDS ngày 29/4/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0169/HDBLDS ngày 08/6/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0166/HDBLDS ngày 09/6/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0187/HDTD ngày 27/6/2016; Hợp đồng bảo lãnh số SME/EGV/16/0222/HDTD ngày 16/8/2016 thì ông Phan Ngọc L có thực hiện việc bảo lãnh cho công ty N đối với các hợp đồng tín dụng mà công ty ký với ngân hàng V. Nay nguyên đơn ngân hàng V yêu cầu trong trường hợp công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu ông Phan Ngọc L có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với công ty N thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký. Các hợp đồng bảo lãnh được ký giữa ba bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, 336, khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Nguyên đơn ngân hàng V rút lại phần yêu cầu về việc xử lý các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp xe ô tô nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 317; Điều 335; Điều 336; khoản 1 Điều 339; Điều 342 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 23/7/2019 là 872.727.227 đồng (Tám trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng), bao gồm số tiền gốc là 467.844.400 đồng (Bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) và tiền lãi 404.882.827 đồng (Bốn trăm lẻ bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn tám trăm hai mươi bảy đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các bên thi hành tại cơ quan chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày 24/7/2019, công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0123/HDTD-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0169/HDTD-01 ngày 08/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0166/HDTD ngày 09/6/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0222/HDTD ngày 16/8/2016; Hợp đồng tín dụng số SME/EGV/16/0187/HDTD ngày 27/6/2016 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ nêu trên.

4. Trường hợp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu ông Phan Ngọc L có nghĩa vụ liên đới cùng chịu trách nhiệm với công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký.

5. Đình chỉ yêu cầu của ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc xử lý các tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0123/HDTC-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0123/HDTC-01 ngày 29/4/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/EGV/16/0166/HDTC ngày 09/6/2016.

6. Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại Vận tải Dịch vụ Du lịch N chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 38.181.817 đồng (Ba mươi tám triệu một trăm tám mươi một nghìn tám trăm mười bảy đồng)

Hoàn trả lại cho ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 10.514.024 đồng (Mười triệu năm trăm mười bốn nghìn không trăm hai mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006602 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

II. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. O;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương